

Số: 764/2020/QĐST-HNGĐ

Tân Bình, ngày 14 tháng 9 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 673/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Bà **Trương Thị N** - sinh năm 1993;

Hộ khẩu thường trú: thôn C, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế;

Tạm trú: đường G, Phường E, quận X, Tp. Hồ Chí Minh;

2. Ông **Trương M** – sinh năm 1987;

Hộ khẩu thường trú: thôn C, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thẩm quyền: Ông Trương M và bà Trương Thị N cùng có đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn. Đây là yêu cầu về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông M và bà N có địa chỉ cư trú ở quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 35, điểm h khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 75 ngày 08/7/2013 do Ủy ban nhân dân thôn C, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp thì ông M và bà N là vợ chồng hợp pháp; nay cả hai xin được công nhận thuận tình ly hôn là phù hợp với quy định của luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về hôn nhân: Căn cứ vào lời trình bày của ông M và bà N thì hai bên đều thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn được nên cả hai cùng yêu cầu được thuận tình ly hôn. Xét thấy sự thỏa thuận của hai bên là hoàn toàn tự nguyện và không trái luật nên Tòa công nhận.

[4] Về con chung: Cả hai khai không có con chung nên Tòa không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Cả hai khai không có nên Tòa không xem xét.

[6] Về lệ phí Tòa án: Lệ phí là 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng do ông M và bà N chịu.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không M, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Ông Trương M và bà Trương Thị N thuận tình ly hôn.
- Về con chung: Cả hai khai không có.
- Về tài sản chung và nợ chung: Cả hai khai không có.
- Về các vấn đề khác: Không có.

**2.** Về lệ phí Tòa án: Ông Trương M và bà Trương Thị N chịu lệ phí là 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng được căn trừ toàn bộ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng mà ông M và bà N đã nộp theo biên lai thu tiền số 0068149 ngày 13/8/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình. Ông M và bà N không phải nộp thêm lệ phí.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

#### ***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân Q.Tân Bình;
- Chi cục THADS Q.Tân Bình;
- UBND xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế (để ghi vào sổ hộ tịch đối với giấy CNKH số 75 ngày 08/7/2013);
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Vũ Văn Hiếu**